

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2026/DS-PT

Ngày: 15 – 9 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Ông Nguyễn Văn Thọ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2026/DS-PT ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 402/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 344/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 424/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1998, CCCD số 04919800xxxx; địa chỉ: Tổ x, khối P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thảo N, sinh năm 1996, CCCD số 07019601xxxx; địa chỉ: Tổ 1x C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1992, CCCD số 04909201xxxx; địa chỉ: Tổ 1x C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thảo N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Huỳnh Thị P trình bày bà và ông Nguyễn Minh Đ là bạn bè có mối quan hệ làm ăn nên bà có cho ông Đ vay mượn tiền. Khoảng đầu năm 2023, ông Đ vay tiền và có giao cho bà 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

DD 60xxxx đứng tên bà Nguyễn Thảo N để làm tin. Sau đó, ông Đ trả tiền nhưng chưa lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng 06 tháng sau, ông Đ tiếp tục vay tiền nhiều lần với số tiền tổng cộng là 226.000.000 đồng. Cùng thời điểm này vợ ông Đ bà Nguyễn Thảo N có vay của bà 150.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông Đ vay của bà 376.000.000 đồng. Tiền cho vay được chuyển khoản, có giao tiền mặt, được trao đổi qua tin nhắn zalo, facebook nên không có viết giấy vay tiền. Số tiền cho vay là tiền bà P đi vay về cho vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất.

Đến ngày 21/10/2024 ông Nguyễn Minh Đ liên hệ bà P để trả toàn bộ số tiền ông Đ vay và nói bà liên hệ với bà Nguyễn Thảo N vợ ông Đ để lấy tiền. Bà N có liên hệ trả tiền ông Đ vay 226.000.000 đồng, tuy nhiên sau đó bà P chỉ trả 79.500.000 đồng, còn số tiền 146.500.000 đồng bà N muốn vay riêng, bà P đồng ý vì đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thảo N. Đến ngày 04/12/2024 bà N chuyển khoản trả 5.000.000 đồng nợ gốc. Tính đến ngày 16/12/2025 số tiền vay của bà N là 291.500.000 đồng.

Ngày 16/12/2024, bà Huỳnh Thị P và bà Nguyễn Thảo N ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng T, số tiền vay 291.500.000 đồng nhưng ghi trong hợp đồng là 300.000.000 đồng, sau này khi trả nợ bà P sẽ giảm số tiền trên và hai bên thống nhất.

Ngày 18/12/2024, bà Nguyễn Thảo N lập ‘Giấy mượn tiền’ nhằm mục đích xác nhận đã vay bà P 300.000.000 đồng. Trong cùng ngày, bà N cũng lập Giấy cam kết với nội dung: *Trong vòng 3 tháng từ ngày 18/12/2024 đến ngày 18/3/2024 sẽ hoàn trả lãi 01 tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nếu đến ngày không thể trả lãi, tôi sẽ sang tên sổ đỏ cho chị P đứng tên sổ đỏ DT 60xxxx. Mọi vấn đề tôi sẽ chịu trước pháp luật nếu tôi không sang sổ cho bà P"*

Đến nay, bà N chưa trả tiền gốc và lãi. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thảo N phải trả số tiền gốc trước thời hạn và số tiền lãi phát sinh tính từ khi vay đến ngày 23/11/2025 là 55.000.000 đồng. Tổng cộng 355.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 291.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thảo N xác nhận việc ông Đ vay tiền có giao bà P bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DD 60xxxx đứng tên bà Nguyễn Thảo N như bà P trình bày. Sau đó, ông Đ tiếp tục vay tiền bà P nhiều lần để làm ăn nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không rõ. Bà cũng có vay tiền bà P nhưng không nhớ rõ số tiền vay.

Đến khoảng tháng 10/2024 ông Nguyễn Minh Đ có nói bà làm việc với bà Huỳnh Thị P để trả tiền ông Đ vay. Ông Đ giao tiền để bà trả bà P nhưng lúc này vì đang có việc cần tiền nên bà nói bà P cho vay lại số tiền ông Đ vay, bà có

chuyển trả trước 79.500.000 đồng, sau đó có chuyển khoản trả thêm vài lần nhưng không nhớ rõ.

Ngày 16/12/2024, bà và bà Huỳnh Thị P ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng T, số tiền vay ghi trong hợp đồng là 300.000.000 đồng. Đến ngày 18/12/2024, bà lập ‘Giấy mượn tiền’ xác nhận đã vay của bà Huỳnh Thị P 300.000.000 đồng. Trong cùng ngày, bà cũng lập Giấy cam kết với nội dung như bà P trình bày trên. Tuy nhiên, Hợp đồng vay tiền, Giấy mượn tiền và Giấy cam kết bà bị bà P ép ký. Nay bà P khởi kiện yêu cầu trả tiền bà xác nhận có nợ tiền bà P, nhưng không nhớ rõ cụ thể là bao nhiêu, bà sẽ trả tiền khi bà P cung cấp được giấy tờ chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ thống nhất lời trình bày của P về quan hệ giữa các bên và việc vay tiền giữa ông và bà P. Ông xác định đến cuối tháng 10/2024, ông còn nợ bà P số tiền 400.000.000 đồng và ông đã giao tiền cho bà N để trả bà P, cụ thể mẹ ông đã vay tiền ngân hàng chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản bà N để trả bà P. Sau đó ông không nghe bà P nhắc gì về việc trả nợ nữa nên ông nghĩ vợ ông bà Nn đã trả hết nợ cho bà P.

Nay bà P khởi kiện buộc bà Nguyễn Thảo N phải trả lại số tiền gốc ông không có ý kiến gì, ông yêu cầu bà P trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DD 60xxxx mà ông đã bàn giao cho bà P vào đầu năm 2023.

Với nội dung vụ án như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử buộc bà Nguyễn Thảo N có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền còn nợ là 291.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P về việc buộc bà Nguyễn Thảo N trả số tiền lãi 55.000.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Thị P có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thảo N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 60xxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 10/9/2021 cho ông Nguyễn Quốc H, đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thảo N ngày 18/4/2022.

Án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí sơ thẩm; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/7/2026, bị đơn bà Nguyễn Thảo N có đơn kháng cáo với lý do án sơ thẩm xét xử thiếu khách quan, vi phạm nguyên tắc đánh giá chứng cứ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án hoặc sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu của Huỳnh Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị P và bà Nguyễn Thảo N, ông Nguyễn Minh Đ thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thảo N trả bà Huỳnh Thị P 250.000.000 đồng vào ngày 30/6/2027. Đồng thời, bà Huỳnh Thị P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thảo N, ông Nguyễn Minh Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 60xxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 10/9/2021 cho ông Nguyễn Quốc H, đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thảo N ngày 18/4/2022.

Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được trả bà Nguyễn Thảo N, ông Nguyễn Minh Đ trước ngày 30/6/2027, thì cũng đồng thời phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bị đơn, bà Huỳnh Thị P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thảo N thi hành án đối với số tiền bị đơn phải trả kể từ ngày giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P, ông Đ.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[3] Xét thấy: Các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền trả nguyên đơn theo thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm và chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 402/2026/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Bà Nguyễn Thảo N trả bà Huỳnh Thị P 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) vào ngày 30/6/2027. Đồng thời, bà Huỳnh Thị P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thảo N, ông Nguyễn Minh Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 60xxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 10/9/2021 cho ông Nguyễn Quốc H, đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thảo N ngày 18/4/2022.

Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được trả bà Nguyễn Thảo N, ông Nguyễn Minh Đ trước ngày 30/6/2027 thì cũng đồng thời phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bị đơn, bà Huỳnh Thị P có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thảo N thi hành án đối với số tiền bị đơn phải trả kể từ ngày giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P, ông Đ.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P về việc buộc bà Nguyễn Thảo N trả số tiền lãi 55.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thảo N phải chịu 12.500.000đ (*mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả bà Huỳnh Thị P 8.875.000 đồng tạm ứng án phí nộp theo Biên lai thu số 0006719 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thảo N phải chịu, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng theo Biên lai thu số 0000913 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và Điều 8 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND khu vực 10 - Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ nghiệp vụ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Quảng

